

Số: 270/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 5 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng có một số khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - "Vinashin") và một số công ty thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinelines"). Các khoản cho vay này đang được thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 – phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ngân hàng hiện đang gửi công văn lên NHNN đề xuất phương án trích lập dự phòng cho các trái phiếu đặc biệt với tổng mệnh giá là 2.217.510 triệu VND phát hành ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ("VAMC"). Theo đó, việc trích lập dự phòng các trái phiếu này sẽ phụ thuộc vào ý kiến của Ngân hàng Nhà nước.



---

### Khúc Thị Lan Anh Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

### Thay mặt và đại diện cho CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a/TCTD-HN

| TT           | CHỈ TIÊU   | 30/6/2016<br>Triệu VND | 31/12/2015<br>Triệu VND |
|--------------|--|------------------------|-------------------------|
| <b>A.</b>    | <b>TÀI SẢN</b>   |                        |                         |
| <b>I.</b>    | <b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>                          | <b>616,410</b>         | <b>564,169</b>          |
| <b>II.</b>   | <b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)</b>              | <b>1,322,512</b>       | <b>6,084,391</b>        |
| <b>III.</b>  | <b>Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác</b>               | <b>12,281,979</b>      | <b>11,892,423</b>       |
| 1.           | Tiền gửi tại các TCTD khác                                 | 8,166,979              | 9,227,423               |
| 2.           | Cho vay các TCTD khác                                      | 4,115,000              | 2,665,000               |
| <b>IV.</b>   | <b>Cho vay khách hàng</b>                                  | <b>52,479,094</b>      | <b>42,439,383</b>       |
| 1.           | Cho vay khách hàng   | 52,904,867             | 42,805,631              |
| 2.           | Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                         | (425,773)              | (366,248)               |
| <b>V.</b>    | <b>Hoạt động mua nợ</b>                                    | <b>50,575</b>          | <b>50,575</b>           |
| 1.           | Mua nợ   | 63,818                 | 63,818                  |
| 2.           | Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ                           | (13,243)               | (13,243)                |
| <b>VI.</b>   | <b>Chứng khoán đầu tư</b>                                  | <b>18,297,989</b>      | <b>17,525,520</b>       |
| 1.           | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                         | 12,908,107             | 12,002,991              |
| 2.           | Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                    | 5,637,903              | 5,659,934               |
| 3.           | Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư                       | (248,021)              | (137,405)               |
| <b>VII.</b>  | <b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                             | <b>183,469</b>         | <b>183,187</b>          |
| 1.           | Đầu tư dài hạn khác  | 183,469                | 183,187                 |
| <b>VIII.</b> | <b>Tài sản cố định</b>                                     | <b>342,278</b>         | <b>349,309</b>          |
| 1.           | Tài sản cố định hữu hình                                   | 242,699                | 256,201                 |
| a.           | Nguyên giá TSCĐ  | 528,008                | 522,939                 |
| b.           | Hao mòn TSCĐ   | (285,309)              | (266,738)               |
| 2.           | Tài sản cố định vô hình                                    | 99,579                 | 93,108                  |
| a.           | Nguyên giá TSCĐ  | 176,942                | 165,720                 |
| b.           | Hao mòn TSCĐ   | (77,363)               | (72,612)                |
| <b>IX.</b>   | <b>Bất động sản đầu tư</b>                                 | <b>287,518</b>         | <b>317,318</b>          |
| a.           | Nguyên giá BĐSĐT   | 290,620                | 320,317                 |
| b.           | Hao mòn BĐSĐT  | (3,102)                | (2,999)                 |
| <b>X.</b>    | <b>Tài sản Có khác</b>                                     | <b>5,733,287</b>       | <b>5,350,567</b>        |
| 1.           | Các khoản phải thu   | 1,851,870              | 1,864,724               |
| 2.           | Các khoản lãi, phí phải thu                                | 2,254,809              | 1,909,070               |
| 3.           | Tài sản Có khác  | 1,631,351              | 1,580,744               |
| 4.           | Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | (4,743)                | (3,971)                 |
|              | <b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>                                     | <b>91,595,111</b>      | <b>84,756,842</b>       |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a/TCTD-HN

| TT           | CHỈ TIÊU  | 30/6/2016<br>Triệu VND | 31/12/2015<br>Triệu VND |
|--------------|---|------------------------|-------------------------|
| <b>B.</b>    | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                  |                        |                         |
| <b>I.</b>    | <b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>                                 | <b>334,859</b>         | <b>181,477</b>          |
| <b>II.</b>   | <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                                  | <b>14,821,551</b>      | <b>18,073,040</b>       |
| 1.           | Tiền gửi của các TCTD khác  | 11,011,401             | 10,653,524              |
| 2.           | Vay các TCTD khác   | 3,810,150              | 7,419,516               |
| <b>III.</b>  | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>  | <b>66,584,404</b>      | <b>57,018,437</b>       |
| <b>IV.</b>   | <b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b> | <b>22,284</b>          | <b>14,315</b>           |
| <b>V.</b>    | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>          | <b>2,920</b>           | <b>16,033</b>           |
| <b>VI.</b>   | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                                       | <b>2,900,000</b>       | <b>2,900,000</b>        |
| <b>VII.</b>  | <b>Các khoản nợ khác</b>  | <b>1,156,136</b>       | <b>784,679</b>          |
| 1.           | Các khoản lãi, phí phải trả   | 969,780                | 649,110                 |
| 2.           | Các khoản phải trả và công nợ khác                                    | 186,356                | 135,569                 |
|              | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>85,822,154</b>      | <b>78,987,981</b>       |
| <b>VIII.</b> | <b>Vốn chủ sở hữu</b>   | <b>5,772,957</b>       | <b>5,768,861</b>        |
| 1.           | Vốn của TCTD  | 5,465,881              | 5,465,881               |
| a.           | Vốn điều lệ   | 5,465,826              | 5,465,826               |
| b.           | Vốn khác  | 55                     | 55                      |
| 2.           | Quỹ của TCTD  | 156,111                | 156,111                 |
| 3.           | Chênh lệch tỷ giá hối đoái  | (28,855)               | -                       |
| 4.           | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                                     | 179,820                | 146,869                 |
|              | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             | <b>91,595,111</b>      | <b>84,756,842</b>       |

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

| TT | CHỈ TIÊU                           | 30/6/2016<br>Triệu VND | 31/12/2015<br>Triệu VND |
|----|------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| 1. | <b>Bảo lãnh vay vốn</b>            | <b>12,500</b>          | <b>12,500</b>           |
| 2. | <b>Cam kết giao dịch hối đoái</b>  | <b>2,077,011</b>       | <b>2,161,641</b>        |
|    | Cam kết mua ngoại tệ               | -                      | 622,396                 |
|    | Cam kết bán ngoại tệ               | -                      | 649,330                 |
|    | Cam kết giao dịch hoán đổi         | 2,077,011              | 889,915                 |
|    | Cam kết giao dịch tương lai        | -                      | -                       |
| 3. | <b>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</b> | <b>384,583</b>         | <b>463,699</b>          |
| 4. | <b>Bảo lãnh khác</b>               | <b>618,333</b>         | <b>1,044,919</b>        |
| 5. | <b>Các cam kết khác</b>            | <b>220,682</b>         | <b>-</b>                |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a/TCTD-HN

| TT           | CHỈ TIÊU  | Từ ngày 01/01/2016<br>đến ngày 30/6/2016 | Từ ngày 01/01/2015<br>đến ngày 30/6/2015<br>(Chưa soát xét) |
|--------------|---|--|---|
| 1.           | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự   | 2,580,265                                | 2,074,458   |
| 2.           | Chi phí lãi và các chi phí tương tự   | (1,860,576)                              | (1,549,111)   |
| <b>I.</b>    | <b>Thu nhập lãi thuần</b>   | <b>719,689</b>                           | <b>525,347</b>  |
| 3.           | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ   | 79,422                                   | 52,306  |
| 4.           | Chi phí hoạt động dịch vụ   | (56,565)                                 | (34,015)  |
| <b>II.</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>   | <b>22,857</b>                            | <b>18,291</b>   |
| <b>III.</b>  | <b>(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                   | <b>(21,715)</b>                          | <b>(1,186)</b>  |
| <b>IV.</b>   | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                                    | <b>-</b>                                 | <b>-</b>  |
| <b>V.</b>    | <b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>  | <b>4,905</b>                             | <b>3,416</b>  |
| 5.           | Thu nhập từ hoạt động khác  | 1,927                                    | 1,205   |
| 6.           | Chi phí hoạt động khác  | (540)                                    | (531)   |
| <b>VI.</b>   | <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>  | <b>1,387</b>                             | <b>674</b>  |
| <b>VII.</b>  | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>   | <b>1,113</b>                             | <b>2,970</b>  |
| <b>VIII.</b> | <b>Chi phí hoạt động</b>  | <b>(509,590)</b>                         | <b>(402,584)</b>  |
| <b>IX.</b>   | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> | <b>218,646</b>                           | <b>146,928</b>  |
| <b>X.</b>    | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>   | <b>(170,141)</b>                         | <b>(41,476)</b>   |
| <b>XI.</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>  | <b>48,505</b>                            | <b>105,452</b>  |
| 7.           | Chi phí thuế TNDN hiện hành   | (9,734)                                  | (22,699)  |
| <b>XII.</b>  | <b>Chi phí thuế TNDN</b>  | <b>(9,734)</b>                           | <b>(22,699)</b>   |
| <b>XIII.</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>  | <b>38,771</b>                            | <b>82,753</b>   |
| <b>XIV.</b>  | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>   | <b>67</b>                                | <b>144</b>  |

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



**Bà Nghiêm Thị Thu Nga**  
Người lập biểu



**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**  
Kế toán trưởng



**Ông Đặng Bảo Khánh**  
Tổng Giám đốc